Ký bởi: TRUNG TÂM CÔNG BÁO
VÀ CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
Ngày ký: 30-10-2026 11:00:42
+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 79/2026/QĐ-UBND	*Khánh Hòa, ngày 06 tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú tại các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Nghị định số 272/2025/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về phân định vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 – 2030;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 5197/TTr-SGDĐT ngày 24 tháng 9 năm 2026 và ý kiến của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú tại các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú tại các cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông; học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông; học sinh dân tộc nội trú học tại các trường phổ thông dân tộc nội trú thuộc tỉnh Khánh Hòa quản lý.

2. Các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên có học sinh, học viên hưởng chính sách trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

3. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày để đảm bảo điều kiện học sinh bán trú

1. Đối với học sinh tiểu học: Nhà ở xa trường khoảng cách từ 4 km trở lên. Trường hợp học sinh đi học qua địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá: Có nhà ở xa trường khoảng cách từ 2 km trở lên.

2. Đối với học sinh trung học cơ sở, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở: Nhà ở xa trường khoảng cách từ 7 km trở lên. Trường hợp học sinh, học viên đi học qua địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá: Có nhà ở xa trường khoảng cách từ 3 km trở lên.

3. Đối với học sinh trung học phổ thông, học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông: Nhà ở xa trường khoảng cách từ 10 km trở lên. Trường hợp học sinh, học viên đi học qua địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua hồ, sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá: Có nhà ở xa trường khoảng cách từ 4 km trở lên.

4. Địa bàn có địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này bao gồm: Các thôn thuộc vùng miền núi thuộc xã khu vực I, II, III; thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cấp thẩm quyền hoặc do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa công nhận.

Điều 4. Quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú

1. Chăn màn và đồ dùng cá nhân được cấp một lần ở mỗi cấp học theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP như sau:

Số TT	Tên hiện vật	Đơn vị tính	Số lượng được cấp phát
1	Chăn	Cái	1
2	Màn	Cái	1
3	Chiếu	Cái	1
4	Gối	Cái	1
5	Ô che nắng, mưa	Cái	1

2. Quần, áo đồng phục và học phẩm cấp cho mỗi năm học theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP như sau:

Số TT	Tên học phẩm	Đơn vị tính	Số lượng cấp phát theo cấp học	
			Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
1	Quần áo đồng phục			
1.1	- Quần dài	Chiếc	2	2
1.2	- Áo đồng phục	Chiếc	2	2
2	Vở viết	Quyển	20	24
3	Ba lô/Cặp đựng sách vở	Cái	1	1
4	Bút bi	Cái	20	20

5	Bút chì	Cái	2	2
6	Hộp bút màu	Hộp	1	-
7	Tẩy chì	Cái	1	1
8	Compa	Cái	1	1
9	Thước đo độ	Cái	1	1
10	Thước kẻ	Cái	1	1
11	Giấy màu thủ công	Tập	1	-

3. Việc mua sắm đồ dùng cá nhân và học phẩm trang cấp cho học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú được thực hiện căn cứ vào danh mục, định mức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 10 năm 2026 và thay thế các Quyết định sau:

a) Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận quy định khoảng cách và địa bàn học sinh không thể đến trường, trở về nhà trong ngày và tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh ở xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

b) Quyết định số 98/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 66/2017/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định khoảng cách và địa bàn học sinh không thể đi đến trường, trở về nhà trong ngày và tỷ lệ khoán kinh phí phục vụ nấu ăn cho học sinh ở xã, thôn vùng đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã,

phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Huyền